

Số: 306/BC-UBND

An Giang ngày 25 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Quý 1 năm 2025)

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; UBND tỉnh An Giang báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý 1 năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: 0 thủ tục.
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: 0 thủ tục.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong kỳ tỉnh An Giang không phát sinh dự thảo văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Trong Quý 1 năm 2025, tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: là 33 Quyết định (Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo).
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 0 văn bản.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố 385 thủ tục (bao gồm: công bố mới: 80 TTHC; Sửa đổi, bổ sung: 305 TTHC; bãi bỏ 0 TTHC); trong đó số TTHC được công khai 385 thủ tục, không công khai 0 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 1963 thủ tục; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 1959 thủ tục; số TTHC do địa phương quy định: 04 thủ tục.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Quyết định số: 272/KH-UBND ngày 18/3/2025 về Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025. Theo đó, tổng số TTHC phải rà theo quyết định là 37 TTHC.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 31 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 29; số từ kỳ trước chuyển qua: 2; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 27; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 04.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 31 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 31 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 00.

b) Các cơ quan ngành dọc:

Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 02 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 02; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 02; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 00.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 02 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 02 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 00 PAKN.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC (Các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh)

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 187.727, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 182.242 (trực tuyến: 154.665, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 27.577), số từ kỳ trước chuyển qua: 5.485.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 181.932; trong đó, giải quyết trước hạn: 93.346, đúng hạn: 88.310, quá hạn: 276.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 5.795; trong đó, trong hạn: 5.701, quá hạn: 94.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn ((trước hạn + đúng hạn + đang giải quyết trong hạn)/Tổng số hồ sơ tiếp nhận): 187.357/187.727 hồ sơ, tỷ lệ 99,8%;

- Tỷ lệ hồ sơ quá hạn (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): 370/187.727 hồ sơ, tỷ lệ 0,2%.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

- Những trường hợp giải quyết quá hạn các đơn vị điều có thư xin lỗi, người dân và doanh nghiệp.

b) Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (Thuế, Bảo hiểm)

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 516.685, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 485.181 (trực tuyến: 423.070, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 62.111); số từ kỳ trước chuyển qua: 31.504.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 505.093; trong đó, giải quyết trước hạn: 429.755, đúng hạn: 75.338, quá hạn: 00.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 11.592; trong đó, trong hạn: 11.592, quá hạn: 0.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn ((trước hạn + đúng hạn + đang giải quyết trong hạn)/ Tổng số hồ sơ tiếp nhận): 516.685 hồ sơ, tỷ lệ 100%;

- Tỷ lệ hồ sơ quá hạn (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): chiếm: 0 %.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

a) Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

- Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Trong năm 2018, UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 06/9/2018 về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Đến nay trên địa bàn tỉnh An Giang đã hoàn thành việc kiện toàn 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã, trong đó bao gồm cả TTPVHHC của tỉnh¹.

- Thực hiện quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (gọi tắt là Đề án). Trong năm 2021, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 12/5/2021 triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án và đến nay 11/11 UBND cấp huyện cơ bản đã xây dựng và ban hành kế hoạch theo đúng yêu cầu của Thủ tướng và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Quý 1 năm 2025 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 242/QĐ-UBND về Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Đầu Quý 1 năm 2025 UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ, ký số kết quả thủ tục hành chính theo các quyết định của UBND tỉnh đã ban hành, cụ thể:

+ Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 về Ban hành danh mục thủ tục hành chính bắt buộc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử cho tổ chức, cá nhân.

+ Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 về ban hành danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện theo Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Công văn số 366/UBND-TH ngày 15/4/2022.

b) Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh

Đến nay, UBND tỉnh đã công bố danh mục với 100% TTHC tiếp nhận tại

¹ Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang.

Bộ phận Một cửa đảm bảo đúng quy định tại Điều 14 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/04/2018 của Văn phòng Chính phủ và danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Trong Quý 1 năm 2025, UBND tỉnh đã công bố 33 Quyết định về công bố danh mục TTHC: ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của một số cơ quan, đơn vị (*Phụ lục 1*); 10 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các đơn vị (*Phụ lục 2*).

c) Tình hình, kết quả thực hiện đánh giá về việc giải quyết TTHC

UBND tỉnh đã tổ chức triển khai việc đánh giá theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh hàng tháng giúp UBND tỉnh công khai kết quả đánh giá các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông

Hiện nay tỉnh An Giang vẫn đang thực hiện Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về công bố danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

- Liên thông giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh với 85 thủ tục (các cơ quan ngành dọc 05 thủ tục).

- Liên thông cùng cấp với 140 thủ tục:

- + Cấp tỉnh với 103 thủ tục.

- + Cấp huyện với 31 thủ tục.

- + Các cơ quan ngành dọc với 06 thủ tục.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

a) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tái cấu trúc quy trình TTHC, UBND tỉnh đã ban hành Danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang tại Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/9/2021; Quyết định số

2856/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 về công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần và lộ trình tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 phê duyệt danh mục DVCTT bắt buộc trả kết quả bản điện tử (với 2.121 TTHC); Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 ban hành danh mục TTHC có thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa (với 1.766 TTHC). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã cung cấp đầy đủ danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh và một phần theo các quyết định đã công bố, cụ thể:

- + Số lượng dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến: 408 DVC.
- + Số lượng DVCTT một phần: 647 DVC.
- + Số lượng DVCTT toàn trình: 955 DVC.

Bên cạnh đó, Cổng dịch vụ công trực tuyến cung cấp giao diện cho thiết bị di động để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dichvucong.angiang.gov.vn/dichvucong/hoidap>, tiếp nhận phản ánh kiến nghị thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua kênh tương tác Zalo, liên hệ trực tiếp. Đã triển khai hệ thống trả lời tự động (Chatbot) cho người dân trên Cổng Dịch vụ công tỉnh An Giang nhằm giải đáp thắc mắc của người dân liên quan đến các TTHC cũng như DVC mà tỉnh đang cung cấp.

Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thực hiện kết nối với các hệ thống của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST) thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý; Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý.

Kết nối với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thông qua VietinBank, kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến Payment Platform của Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với các phần mềm ứng dụng chuyên ngành trong nội bộ tỉnh:

- Phần mềm quản lý TTHC ngành Tài nguyên môi trường;
- Kết nối liên thông giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ thống quản lý chuyên ngành của các Bộ, ngành, Trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cụ thể:

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý Hộ tịch: Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn),

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá).

+ Phần mềm chuyên ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH).

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp).

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua).

+ Kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an (ngày 11/12/2022).

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phần mềm VBDLIS).

+ Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov).

+ Hệ thống phần mềm dịch vụ công “Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến” tại đường dẫn <https://dvcbtxh.molisa.gov.vn/> của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

+ Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang theo hướng dẫn tại Công văn số 429/TTCNTT-PM ngày 15/7/2022 của Trung tâm Công nghệ thông tin – Bộ Giao thông vận tải.

b) Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan, địa phương còn hiệu lực và tình hình, kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch đã ban hành.

Trên cơ sở triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 03/03/2021 về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh An Giang, đảm bảo 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa khi dự án kết thúc.

UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các đơn vị, lập dự toán kinh phí cho việc nâng cấp để đáp ứng yêu cầu về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022

của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0) để trình UBND tỉnh xin chủ trương bố trí kinh phí để thực hiện.

Đối với dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 cần phải điều chỉnh để đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Văn phòng Chính phủ.

Trong Quý 1 năm 2025 (từ ngày 15/12/2024 đến 14/3/2025), UBND tỉnh đã thống kê trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, tỷ lệ số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận: **94,07%**; tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ: **91,59%**, cụ thể:

Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận:

Số hồ sơ Tiếp nhận: 181740 hồ sơ.

Số hồ sơ chưa số hoá TPHS: 9240 hồ sơ.

Số hồ sơ có số hoá thành phần HS: 172500 hồ sơ.

Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ: 170962 hồ sơ.

Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận: **94,07%**.

Số hoá kết quả giải quyết TTHC:

Số hồ sơ đã giải quyết: 180809 hồ sơ.

Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC: 15208 hồ sơ.

Số hồ sơ có số hoá kết quả: 165601 hồ sơ.

Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ: **91,59%**;

c) Tình hình tích hợp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tính đến nay, đã thực hiện đồng bộ, tích hợp 61% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (1.144/1875 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, theo Quyết định 1688/QĐ-UBND ngày 01/11/2024.

- Kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang đã kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào ngày **11/12/2022**.

Đã thực hiện kết nối, tích hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 8/25 dịch vụ công thiết yếu nêu trên vào bước tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra danh tính công dân, tự động điền thông tin công dân vào biểu mẫu thông tin người nộp hồ sơ và hiển thị 20 trường thông tin công dân trên hệ thống khi kiểm tra có dữ liệu trong CSDL quốc gia về dân cư.

d) Triển khai tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với

25 dịch vụ công thiết yếu theo Phụ lục 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã triển khai 8/25 dịch vụ công thiết yếu:

(1) Đăng ký khai sinh;

(2) Đăng ký khai tử;

(3) Đăng ký kết hôn;

(4) Triển khai nhóm thủ tục hành chính liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi;

(5) Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất do thay đổi thông tin người được cấp giấy chứng nhận (đổi giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ);

(6) Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống phần mềm chuyên ngành của Bộ giáo dục và Đào tạo);

(7) Cấp phiếu lý lịch tư pháp;

(8) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia).

- Đối với 17/25 dịch vụ công thiết yếu còn lại đang được triển khai trên phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành trung ương triển khai xuống địa phương nên sẽ do Bộ, ngành trung ương thực hiện kết nối, tích hợp với CSDL quốc gia về dân cư.

- Thực hiện kết nối liên thông 2 nhóm dịch vụ công liên thông:

(1) Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi và (2) Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú – Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng trên địa bàn tỉnh An Giang. Ngày 17/6/2023 đã hoàn thành kết nối với các API kết nối, chia sẻ dữ liệu và gửi về Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Bộ Công an để thực hiện đánh giá an toàn an ninh thông tin trước khi được triển khai vận hành trên hệ thống chính thức.

đ) Triển khai thanh toán trực tuyến (thống kê trên cổng DVC quốc gia tại địa chỉ: <https://quantri.dichvucong.gov.vn/>).

- Đối với phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính trong Quý 1 năm 2025: Tổng số giao dịch thành công là 121.239 lượt giao dịch, với tổng số tiền thu được: **3.049.107.100** đồng.

- Đối với nghĩa vụ tài chính về thu thuế đất: Tổng số giao dịch thành công là 3.261 lượt giao dịch, với tổng số tiền thu được: **25.702.362.910** đồng.

e) Tập huấn, bồi dưỡng

UBND tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan chuẩn bị tổ chức Hội nghị tập huấn (mời Cục kiểm soát thủ tục hành chính hỗ trợ tập huấn).

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (triển khai Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ). Qua đó, các cấp chính quyền và sở, ban, ngành đã tích cực triển khai công tác truyền thông để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người dân về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thiết lập kênh tuyên truyền cải cách TTHC, kiểm soát TTHC trên các trang mạng xã hội (Zalo OA, Fanpage Facebook, Youtube ...) lồng ghép tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên mạng xã hội và cổng thông tin điện tử.

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên tuyên truyền và phát huy hiệu quả trang Fanpage facebook (<https://www.facebook.com/thutuchanhchinhAG>) và kênh OA Zalo (<https://zalo.me/tthcag>) về thủ tục hành chính để tuyên truyền các chủ trương, quy định mới về thủ tục hành chính.

- Tỉnh đã triển khai hệ thống trả lời tự động (Chatbot) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp cho người dân liên quan đến các TTHC cũng như DVC mà tỉnh đang triển khai.

- Các đơn vị tăng cường công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC dưới nhiều hình thức, nội dung truyền thông tập trung vào: Phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC; hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích; hướng dẫn đăng ký tài khoản và nộp hồ sơ trực tuyến; hướng dẫn sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh; tuyên truyền về thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính TTHC; tuyên truyền về dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; khuyến khích người dân tham gia góp ý và giám sát các quy định hành chính và hành vi hành chính; tạo file hướng dẫn, tạo tài khoản giúp người dân, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp cách nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia liên kết với cổng dịch vụ công của tỉnh, đăng trên Cổng thông tin của cơ quan.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC:

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm soát thủ tục hành chính cũng như

công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh trong Quý 1 năm 2025, các đơn vị đã triển khai một số mô hình như sau:

Mô hình trả kết quả tại nhà: Một số địa phương đã triển khai mô hình trả kết quả tại nhà đối với các thủ tục liên quan đến trẻ sơ sinh như khai sinh, bảo hiểm y tế, đăng ký hộ khẩu. Người dân chỉ cần nộp hồ sơ một lần và được nhận kết quả tại nhà mà không mất thêm chi phí.

Xây dựng chính quyền thân thiện: Mô hình "xây dựng chính quyền thân thiện" được triển khai với các hoạt động như gửi thư chia buồn, thư chúc mừng, thư cảm ơn đến người dân, tạo sự gần gũi và thuận lợi trong giải quyết TTHC.

Mô hình "ngày không viết – ngày không hẹn": Tiếp tục thực hiện mô hình "ngày không viết – ngày không hẹn" để giảm bớt thủ tục giấy tờ và thời gian chờ đợi cho người dân.

Hỗ trợ tại bộ phận một cửa: Bố trí "bàn viết hộ" và cử cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn người dân điền thông tin biểu mẫu khi đến thực hiện TTHC.

Tăng thời gian phục vụ: Triển khai mô hình "Tăng thêm 30 phút vì Nhân dân và doanh nghiệp" vào thứ tư hàng tuần để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Hỗ trợ học sinh thực hiện dịch vụ công trực tuyến: Các trường THPT được đề xuất hướng dẫn, hỗ trợ học sinh, cựu học sinh, phụ huynh thực hiện dịch vụ công trực tuyến liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

12. Nội dung khác

a. Định kỳ hằng tháng, công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

b. Công bố TTHC nội bộ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, số lượng 122 thủ tục hành chính nội bộ. Hiện đang chỉ đạo các Sở, ban, ngành khẩn trương rà soát đề xuất phương án cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo chỉ tiêu và tiến độ kế hoạch đề ra. Đến nay, tỉnh ban hành 27 quyết định công bố bổ sung hơn 427 TTHC nội bộ.

c. Kết quả thực hiện các nhóm chỉ tiêu Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 (**đạt 3, chưa đạt 6**), cụ thể:

Stt	Tên Chỉ tiêu	Chỉ tiêu được giao	Đơn vị tính	Tỷ lệ đạt	Tự đánh giá
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Tối thiểu 80	%	13.84	Chưa đạt
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Tối thiểu 60	%	66.49	Đạt
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Tối thiểu 60	%	75.56	Đạt
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Tối thiểu 80	%	71.38	Chưa đạt
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	100	%	82.96	Chưa đạt
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	Tối thiểu 50	%	2.44	Chưa đạt
7	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	100	%	81.46	Chưa đạt
8	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	100	%	99	Chưa đạt
9	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	Tối thiểu 90	%	97.33	Đạt

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong Quý 1 năm 2025, UBND tỉnh An Giang nhận thấy một số thuận lợi và khó khăn khi triển khai thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính như sau:

a. Thuận lợi:

- Hiện nay, công tác cải cách hành chính nói chung và kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính nói riêng được sự quan tâm chỉ đạo từ

Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên đã tạo ra bước chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Tỉnh An Giang đã thực hiện tốt chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 20/CĐ-TTg ngày 26/02/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Văn bản số 219/TTg-KSTT ngày 27/02/2025 về việc bảo đảm thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) cho người dân, doanh nghiệp khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 26/02/2025 về ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Các sở, ban, ngành và địa phương đã kịp thời triển khai các chỉ đạo, yêu cầu nhiệm vụ kiểm soát TTHC của cấp trên; nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về công tác kiểm soát TTHC và cải cách hành chính ngày càng được nâng lên. Tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người dân cũng được cải thiện.

- Bộ phận một cửa các cấp được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị như máy lạnh, máy photo, máy tính, máy scan, bàn ghế chờ; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được cải thiện. Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đi vào hoạt động, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, rà soát, công bố TTHC.

- Quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC được thực hiện đúng quy định (được chuẩn hóa), đảm bảo tính chính xác và kịp thời. Nhiều đơn vị đã thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông; các thông tin về TTHC, quy trình giải quyết, thời hạn, phí, lệ phí được công khai, niêm yết đầy đủ tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử.

- Hoạt động tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa các cấp được giữ ổn định và hoạt động hiệu quả, được người dân và tổ chức đánh giá cao, góp phần hạn chế tình hình khiếu nại, khiếu kiện.

- Công tác phối hợp đảm bảo sự chặt chẽ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các công chức có liên quan trong giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức.

b. Khó khăn:

- Việc rà soát, sửa đổi quy định TTHC tại Công điện số 20/CĐ-TTg ngày 26/02/2025, Văn bản số 219/TTg-KSTT ngày 27/02/2025 cần thực hiện nhanh chóng, gây áp lực về thời gian; Cần đảm bảo tính ổn định, liên tục của việc giải quyết TTHC trong quá trình sắp xếp lại bộ máy tổ chức; Đòi hỏi năng lực quản lý và triển khai công nghệ thông tin cao để đảm bảo hệ thống vận hành hiệu quả; Sự thay đổi về mã định danh, quy trình điện tử có thể gây khó khăn ban đầu trong

quá trình thích nghi; Cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều cơ quan, đơn vị, để phát sinh vướng mắc nếu không có sự đồng bộ.

- Một số lĩnh vực thực hiện tiếp nhận, xử lý trên Cổng dịch vụ công của Bộ, ngành TW nhưng chưa đồng bộ đầy đủ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh nên công tác báo cáo, chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Trình độ công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế: Nhiều người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn và người lớn tuổi, còn hạn chế về trình độ tin học và thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Tâm lý e ngại sử dụng dịch vụ trực tuyến và bưu điện: Đa số người dân vẫn có thói quen đến trực tiếp bộ phận một cửa và e ngại sử dụng dịch vụ bưu chính công ích; hệ thống dịch vụ công của tỉnh thường xuyên gặp lỗi, treo hệ thống, ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ.

- Tỷ lệ số hóa và sử dụng lại dữ liệu số hóa còn hạn chế: Việc số hóa hồ sơ và khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa còn nhiều lúng túng và chưa đạt hiệu quả cao; hệ thống liên thông giữa các cơ quan, địa phương chưa ổn định, gây khó khăn trong việc giải quyết các TTHC liên thông.

- Phần mềm chuyên ngành chưa tích hợp: Một số phần mềm chuyên ngành chưa được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công của tỉnh, gây trùng lặp thao tác; lĩnh vực đất đai gặp nhiều khó khăn do số lượng hồ sơ lớn, quy trình phức tạp, cần phối hợp nhiều đơn vị và đối tượng; Thanh toán trực tuyến chưa phổ biến (Tỷ lệ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí còn thấp).

- Đồng bộ trạng thái hồ sơ chưa ổn định: Việc đồng bộ trạng thái hồ sơ giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia còn chưa ổn định.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ chưa đồng đều, một bộ phận còn hạn chế về năng lực, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin. Cán bộ làm công tác kiểm soát TTHC thường phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ.

- Thời gian giải quyết TTHC chưa thống nhất: Sự không thống nhất về cách tính thời gian giải quyết TTHC (ngày hay ngày làm việc) gây khó khăn trong xây dựng quy trình nội bộ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày

08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Theo dõi, đôn đốc bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/04/2022, Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024; các nội dung theo Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/05/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp; Công văn số 219/TTg-KSTT ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện TTHC cho người dân doanh nghiệp khi sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng cường kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm thủ tục hành chính cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Đôn đốc các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện các nội dung Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và công tác truyền thông về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh.

Tiếp tục rà soát, lập danh sách thủ tục hành chính cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính; rà soát, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính đảm bảo mọi thủ tục liên quan đến doanh nghiệp phải được thực hiện trực tuyến; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn tỉnh.

Rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo đúng Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính

trên môi trường điện tử và Quyết định số 468/QĐ-TTg và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ trong việc triển khai thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 về đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Chỉ đạo các đơn vị khẩn trương, nghiêm túc thực hiện các nội dung tại Công điện 644/CĐ-TTg ngày 13/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Quyết định 933/QĐ-TTg ngày 06/08/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhóm chỉ tiêu Chính phủ giao về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để thực hiện tốt và đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương, UBND tỉnh An Giang có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường quan tâm khi công bố thủ tục hành chính nên thống nhất thời gian giải quyết thủ tục hành chính là “ngày làm việc” nhằm tránh sự không thống nhất với cách quy định thời gian giải quyết TTHC ở cấp địa phương, nơi có thủ tục quy định là "ngày".

2. Bộ Tài chính

Kiến nghị Bộ Tài chính sớm nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện "ký số" để trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử cho cá nhân, tổ chức (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện). Hệ thống hiện tại đã cho phép ký số nhưng thực tế chưa thực hiện được theo hướng dẫn.

3. Văn phòng Chính phủ

Để người dân biết được chính xác thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ và hạn chế việc phản ánh, khiếu nại liên quan đến việc trả kết quả trễ hạn trong khi hồ sơ đang được giải quyết tại các bước công việc được quy định không tính vào thời gian thực hiện TTHC về đất đai theo các quy định hiện hành, UBND tỉnh AN giang kiến nghị Văn phòng có ý kiến với một số nội dung sau:

- Cho phép ghi thêm nội dung “*Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ nêu trên chưa tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời*

gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng” vào phía cuối trang của Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu số 01 tại Điều 9 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính).

- Bổ sung thêm tính năng xuất dữ liệu danh sách trạng thái các hồ sơ đã được đồng bộ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (tại trang quản trị) để làm cơ sở rà soát, đối chiếu khi phát hiện sai sót.

- Đơn đốc các Bộ ban hành danh mục TTHC có thành phần hồ sơ phải số hóa để địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện thống nhất.

- Thường xuyên tổ chức Tập huấn trực tiếp nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính cho địa phương, trong đó quan tâm tập huấn các nội dung mới theo Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các văn bản có liên quan đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính cũng như công tác cải cách thủ tục hành chính.

UBND tỉnh An Giang kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh, phòng, ban, trung tâm;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang (đăng tải B/C);
- Lưu VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước

PHỤ LỤC 1

Các quyết định Công bố danh mục TTHC

(Kèm theo Báo cáo số 306/BC-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Dược phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;
2. Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;
3. Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;
4. Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;
5. Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;
6. Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;
7. Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;
8. Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

9. Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

10. Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

11. Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

12. Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

13. Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang;

14. Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

15. Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 04/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực đường bộ; lĩnh vực giao thông vận tải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang;

16. Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 06/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

17. Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục bị bãi bỏ hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

18. Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

19. Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Công an tỉnh An Giang;

20. Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

21. Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

22. Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

23. Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

24. Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

25. Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

26. Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

27. Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

28. Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải;

29. Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

30. Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

31. Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

32. Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

33. Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 11/03/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

PHỤ LỤC 2

Các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
(Kèm theo Báo cáo số 306/BC-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 11/03/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ;
2. Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải áp dụng tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang;
3. Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Y tế tỉnh An Giang;
4. Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;
5. Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải áp dụng tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang;
6. Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 04/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang;
7. Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;
8. Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực điện lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

9. Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

10. Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

PHỤ LỤC 3

Thông kê các đơn vị gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
(Kèm theo Báo cáo số 306/BC-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

STT	Đơn vị	Đánh giá tiến độ	Thực hiện ký số	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
CẤP TỈNH				
1	Sở Công Thương	Trước hạn	Đã ký số	x
2	Sở Khoa học và Công nghệ	Trước hạn	Đã ký số	x
3	Ban Quản lý Khu kinh tế	Trước hạn	Đã ký số	x
4	Sở Ngoại vụ	Trước hạn	Không ký số	x
5	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Trước hạn	Không ký số	x
6	Sở Tư pháp	Đúng hạn	Đã ký số	x
7	Sở Tài chính	Đúng hạn	Đã ký số	x
8	Sở Xây dựng	Đúng hạn	Đã ký số	x
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đúng hạn	Đã ký số	x
10	Thanh tra tỉnh	Đúng hạn	Đã ký số	x
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đúng hạn	Không ký số	x
12	Sở Nội vụ	Quá hạn	Không ký số	x
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quá hạn	Không ký số	x
14	Sở Y tế	Quá hạn	Đã ký số	x
NGÀNH DỤC				
1	Bảo hiểm Xã hội khu vực XXX-An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
2	Chi cục Thuế khu vực XIX - An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
3	NHCSXH tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
CẤP HUYỆN				
1	Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú	Trước hạn	Đã ký số	x
2	Ủy ban nhân dân thị xã Tịnh Biên	Trước hạn	Đã ký số	x
3	Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn	Trước hạn	Đã ký số	x

STT	Đơn vị	Đánh giá tiến độ	Thực hiện ký số	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
4	Ủy ban nhân dân huyện An Phú	Trước hạn	Đã ký số	x
5	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	Trước hạn	Đã ký số	x
6	Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu	Trước hạn	Đã ký số	x
7	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	Trước hạn	Đã ký số	x
8	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	Đúng hạn	Đã ký số	x
9	Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn	Đúng hạn	Đã ký số	x
10	Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên	Đúng hạn	Đã ký số	x
11	Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc	Quá hạn	Đã ký số	x

Ghi chú:

- x: đã thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC và thực hiện nghiêm túc chế độ, thông tin báo cáo theo quy định (đủ điều kiện hỗ trợ chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát TTHC).
- 0: Chưa gửi báo cáo (Tại thời điểm hoàn chỉnh báo cáo).

PHỤ LỤC 4

Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã Quý 1 năm 2025 trên hệ thống Báo cáo Chính phủ

(Kèm theo Báo cáo số 306/BC-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

I. SỐ LIỆU TỔNG CỦA TỪNG CẤP

Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn trong kỳ (bao gồm hồ sơ đã xử lý và đang xử lý) = Tổng số hồ sơ đã xử lý và đang xử lý trước hạn, đúng hạn và trong hạn trong kỳ / Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong kỳ * 100% (Công thức theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG = 1+2+3	187.727	154.665	27.577	5.485	181.932	93.346	88.310	276	5.795	5.701	94	187.357	99,80%
1	CẤP TỈNH	11.020	8.478	1.985	557	10.446	8.974	1.440	32	574	565	9	10.979	99,63%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
2	CẤP HUYỆN	45.503	23.695	17.428	4.380	40.435	18.618	21.630	187	5.068	4.986	82	45.234	99,41%
3	CẤP XÃ	131.204	122.492	8.164	548	131.051	65.754	65.240	57	153	150	3	131.144	99,95%
4	CÁC CƠ QUAN NGÀNH DQC	516.685	423.070	62.111	31.504	505.093	429.755	75.338	0	11.592	11.592	0	516.685	100%

II. CHI TIẾT CẤP TỈNH

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4)+ (5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9)+ (10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+ (13)	(12)	(13)	(14)= (8)+ (9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
	TỔNG	11.020	8.478	1.985	557	10.446	8.974	1.440	32	574	565	9	10.979	100%
1	Sở Tư pháp	4.635	2.930	1.703	2	4.613	4.613	-	-	22	22	-	4.635	100%
2	Sở Tài chính	2.390	2.144	246	-	2.217	2.176	41	-	173	173	-	2.390	100%
3	Sở Công thương	1.153	1.139	-	14	1.119	1.119	-	-	34	34	-	1.153	100%
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	898	775	8	115	843	-	822	21	55	46	9	868	97%
5	Sở Y tế	665	560	-	105	560	-	559	1	105	105	-	664	99,85%
6	Sở Xây dựng	497	323	2	172	419	413	-	6	78	78	-	491	99%
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	306	210	-	96	260	249	8	3	46	46	-	303	99%
8	Sở Nội vụ	283	245	-	38	233	232	-	1	50	50	-	282	100%
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	137	126	-	11	128	122	6	-	9	9	-	137	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4)+ (5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+ (9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
10	Sở Khoa học và Công nghệ	26	22	-	4	25	25	-	-	1	1	-	26	100%
11	Thanh tra tỉnh	24	-	24	-	24	22	2	-	-	-	-	24	100%
12	Ban quản lý Khu kinh tế	4	2	2	-	3	3	-	-	1	1	-	4	100%
13	Sở Ngoại vụ	2	2	-	-	2	-	2	-	-	-	-	2	100%
14	Ban dân tộc	-				-				-			-	0%

III. CHI TIẾT CẤP HUYỆN

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4)+ (5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+(9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
	TỔNG	45.503	23.695	17.428	4.380	40.435	18.618	21.630	187	5.068	4.986	82	45234	99,41%
1	TP. Long Xuyên	10.441	1.423	7.890	1.128	9.503	2.544	6.868	91	938	912	26	10324	98,88%
2	Huyện Chợ Mới	5.763	2.923	2.231	609	4.779	2.747	2.032	-	984	984	-	5763	100%
3	Huyện Tri Tôn	5.635	2.414	2.786	435	5.163	3.903	1.260	-	472	472	-	5635	100%
4	Huyện Tịnh Biên	4.612	3.819	392	401	4.158	3.321	836	1	454	453	1	4610	99,96%
5	Huyện Thoại Sơn	4.051	3.086	821	144	3.855	305	3.550	-	196	196	-	4051	100%
6	Huyện Phú Tân	3.488	2.462	604	422	3.076	1.779	1.295	2	412	412	-	3486	99,94%
7	Huyện Châu Phú	3.230	2.443	427	360	2.657	2.147	417	93	573	518	55	3082	95,42%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4)+ (5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+(9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
8	Huyện An Phú	2.901	1.999	752	150	2.687	211	2.476	-	214	214	-	2901	100%
9	Huyện Châu Thành	2.114	1.403	291	420	1.586	1.311	275	-	528	528	-	2114	100%
10	Thị xã Tân Châu	1.747	1.025	448	274	1.484	350	1.134	-	263	263	-	1747	100%
11	TP. Châu Đốc	1.521	698	786	37	1.487	-	1.487	-	34	34	-	1521	100%

IV. CHI TIẾT CẤP XÃ

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9)+ (12)	(15)=(14)/ (3)
	TỔNG	131.204	122.492	8.164	548	131.051	65.754	65.240	57	153	150	3	131144	99,95%
1	Huyện Chợ Mới	18.783	16.474	2.301	8	18.780	7.034	11.746	-	3	3	-	18783	100%
2	TP. Long Xuyên	16.385	16.352	24	9	16.355	3.191	13.143	21	30	30	-	16364	99,87%
3	Huyện Thoại Sơn	14.813	12.198	2.612	3	14.813	5.626	9.187	-	-	-	-	14813	100%
4	Huyện Phú Tân	14.102	14.071	28	3	14.040	13.867	164	9	62	62	-	14093	99,94%
5	Huyện Tịnh Biên	13.396	12.362	1.033	1	13.365	8.293	5.071	1	31	31	-	13395	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9)+ (12)	(15)=(14)/ (3)
6	Huyện Châu Phú	13.000	12.529	-	471	12.995	5.951	7.031	13	5	5	-	12987	99,90%
7	Huyện Tri Tôn	10.260	10.017	229	14	10.259	5.673	4.583	3	1	1	-	10257	100%
8	Huyện An Phú	10.080	8.879	1.172	29	10.068	4.837	5.223	8	12	9	3	10069	100%
9	Huyện Châu Thành	8.133	7.947	186	-	8.132	4.928	3.204	-	1	1	-	8133	100%
10	TP. Châu Đốc	6.375	5.813	556	6	6.375	4.193	2.182	-	-	-	-	6375	100%
11	Thị xã Tân Châu	5.877	5.850	23	4	5.869	2.161	3.706	2	8	8	-	5875	99,97%

V. CHI TIẾT NGÀNH DỤC

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	524.562	430.947	62.111	31.504	505.093	429.755	83.215	-	11.592	11.592	-	524.562	100%
1	Bảo hiểm Xã hội khu vực XXX-An Giang	457.520	391.755	34.332	31.433	446.059	428.181	17.878	-	11.461	11.461	-	457.520	100%
2	Chi cục Thuế khu vực XIX - An Giang	59.165	31.315	27.779	71	59.034	1.574	57.460	-	131	131	-	59.165	100%
3	NHCSXH tỉnh An Giang	7.877	7.877	-	-	7.877	-	7.877	-	-	-	-	7.877	100%